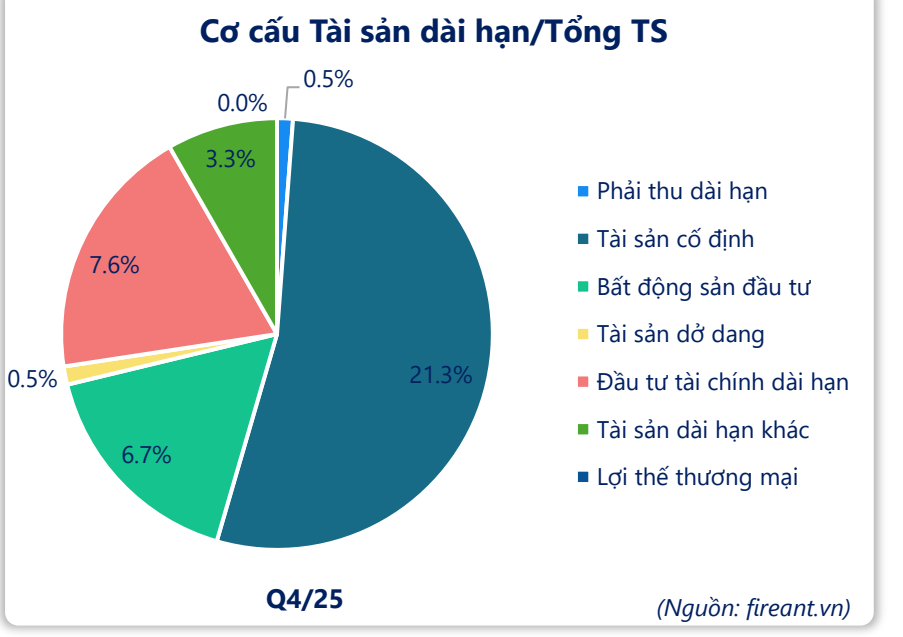
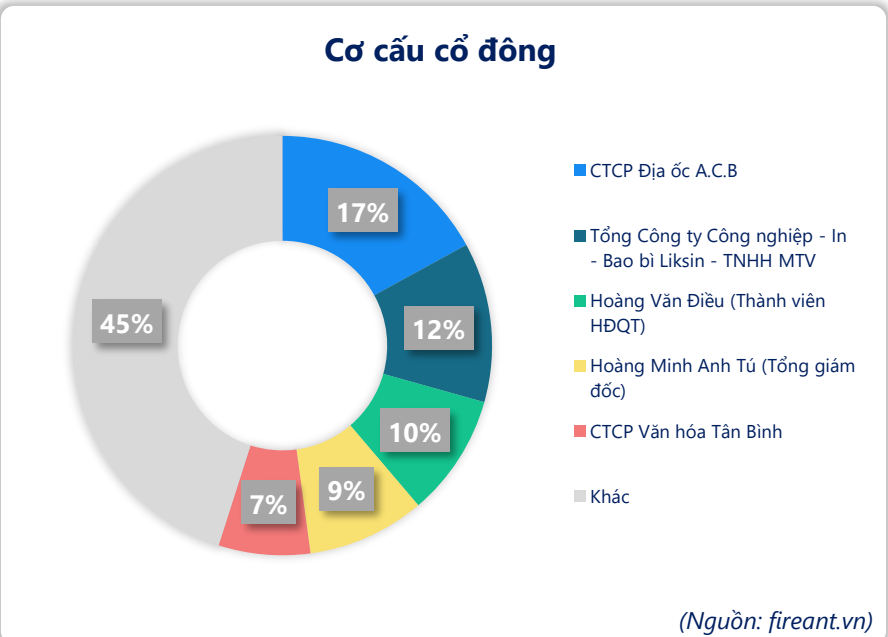
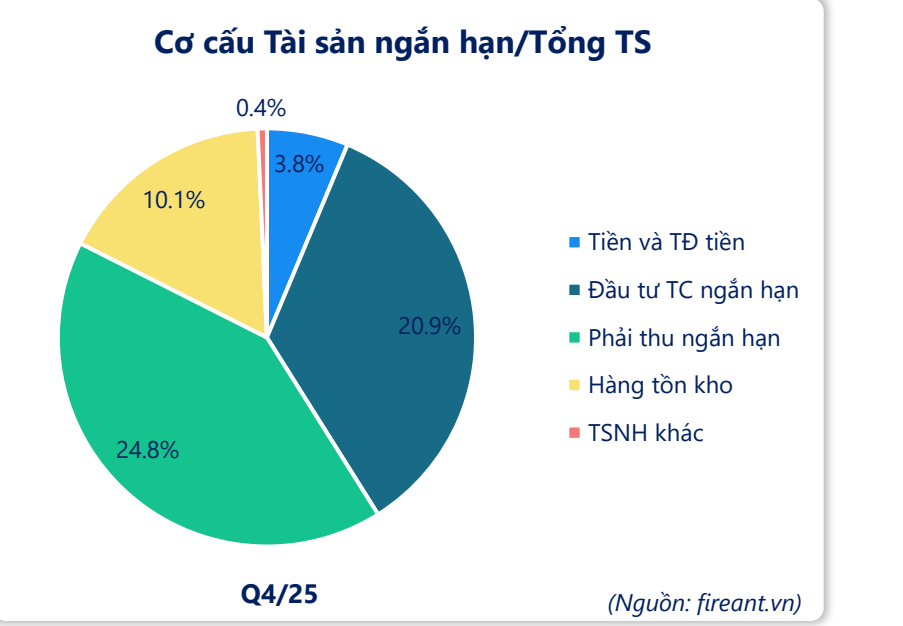
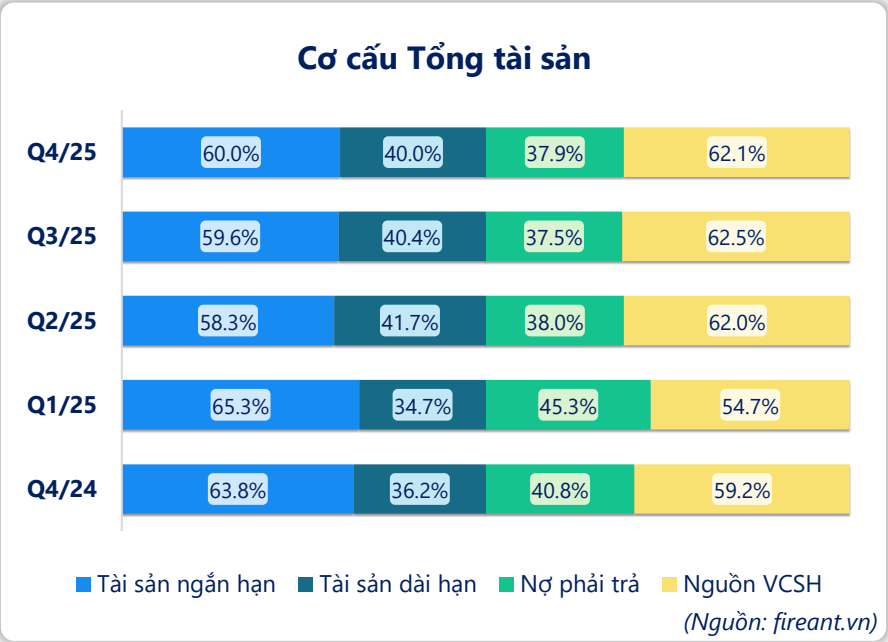
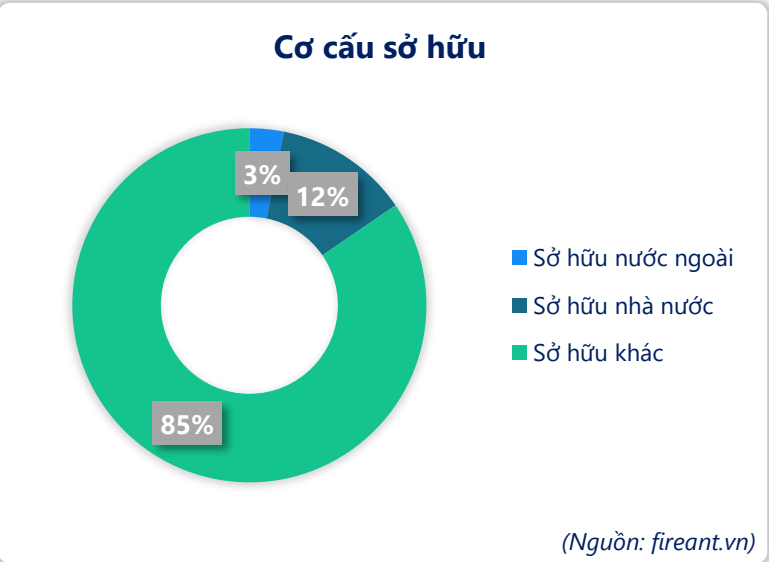
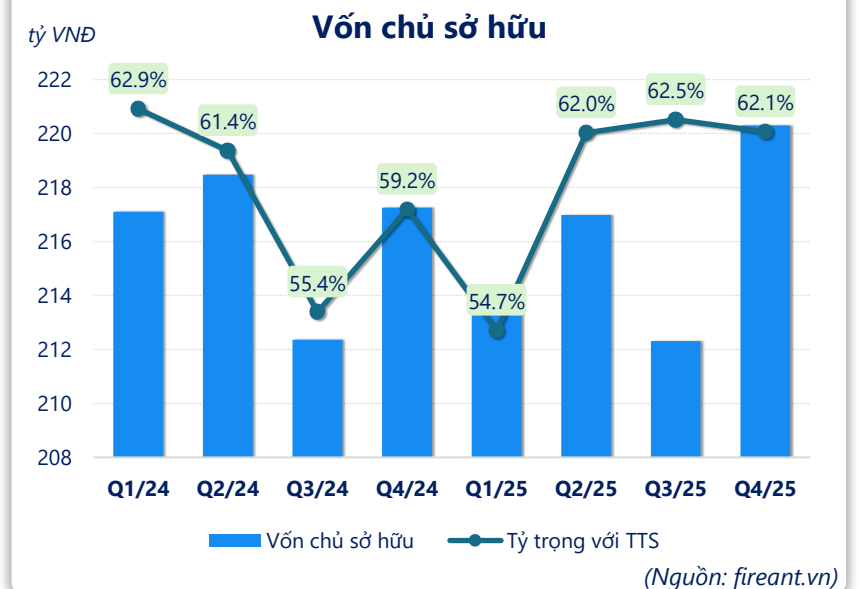
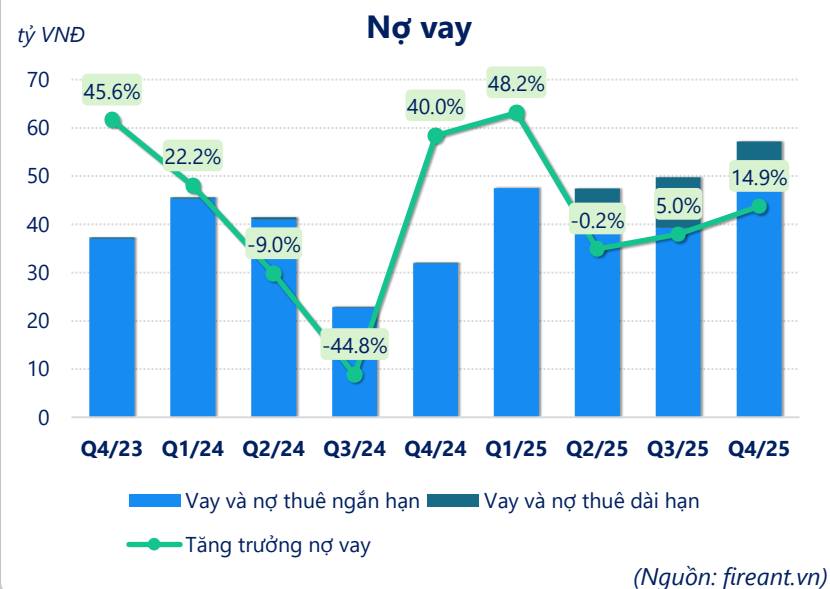
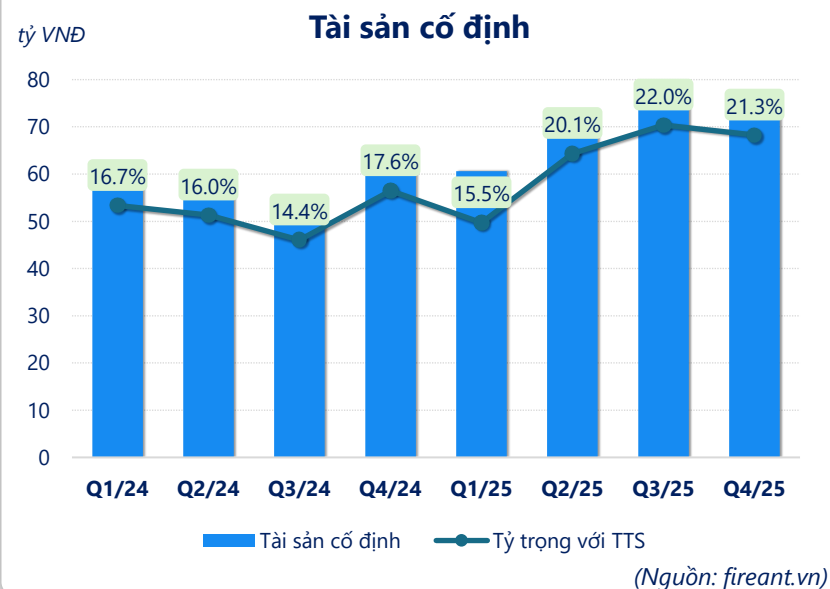
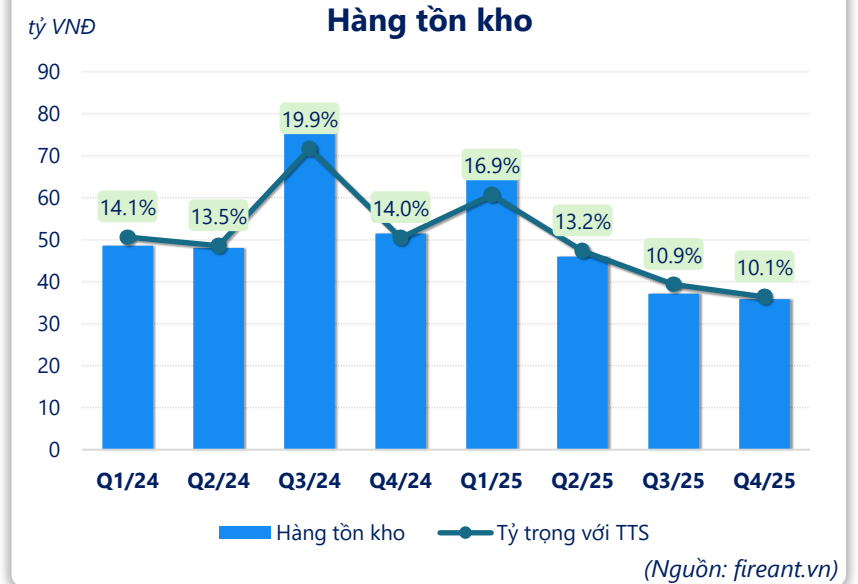
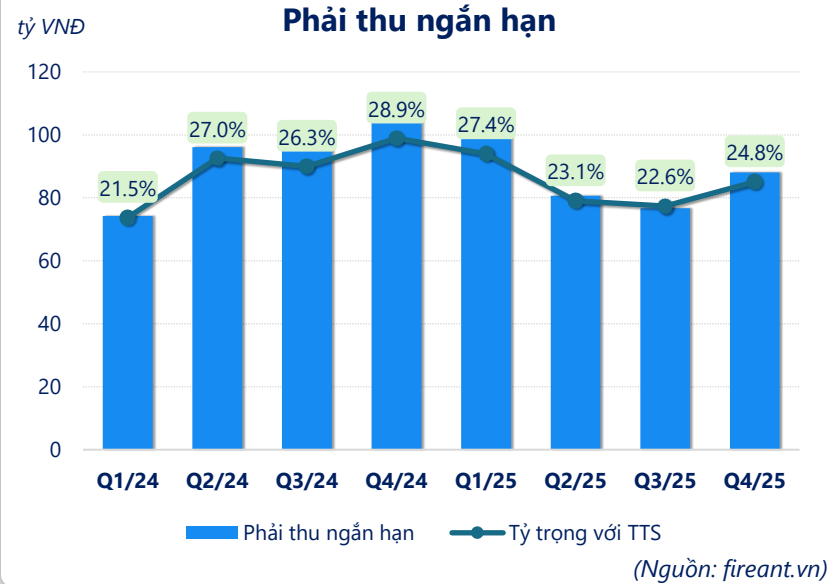
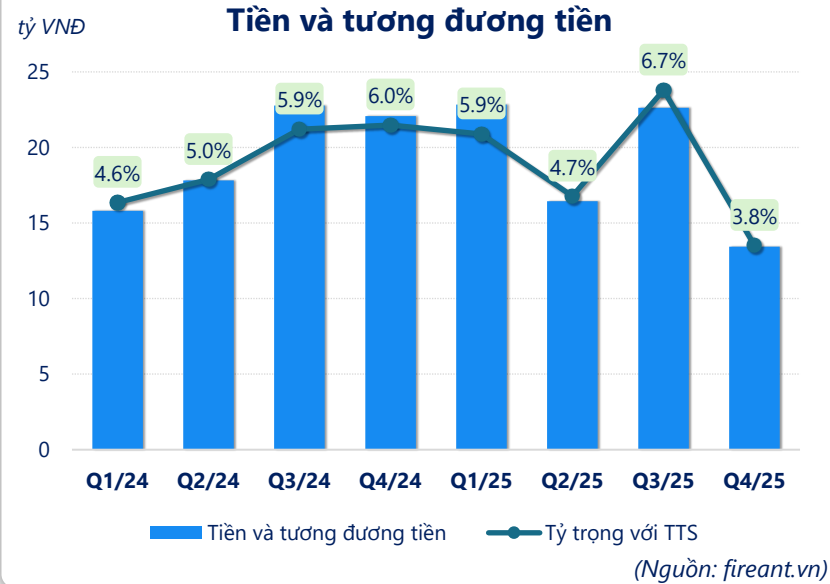
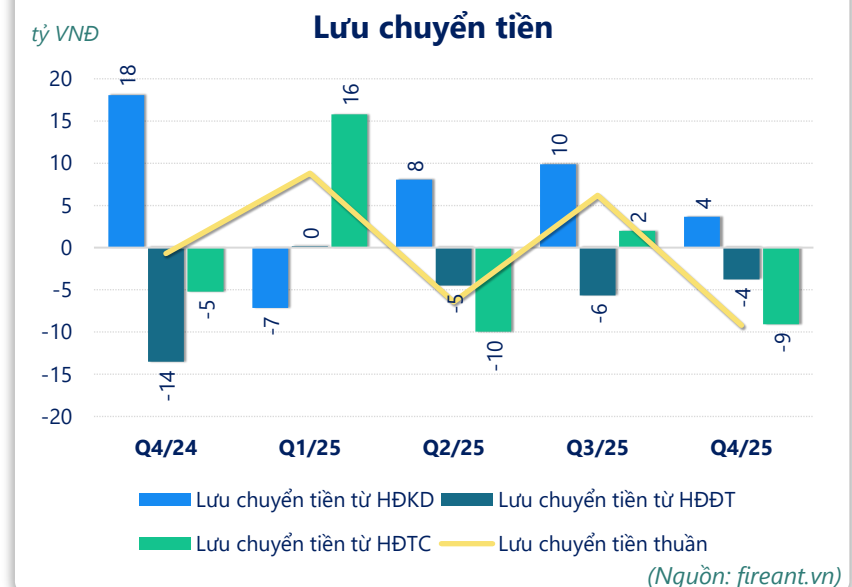
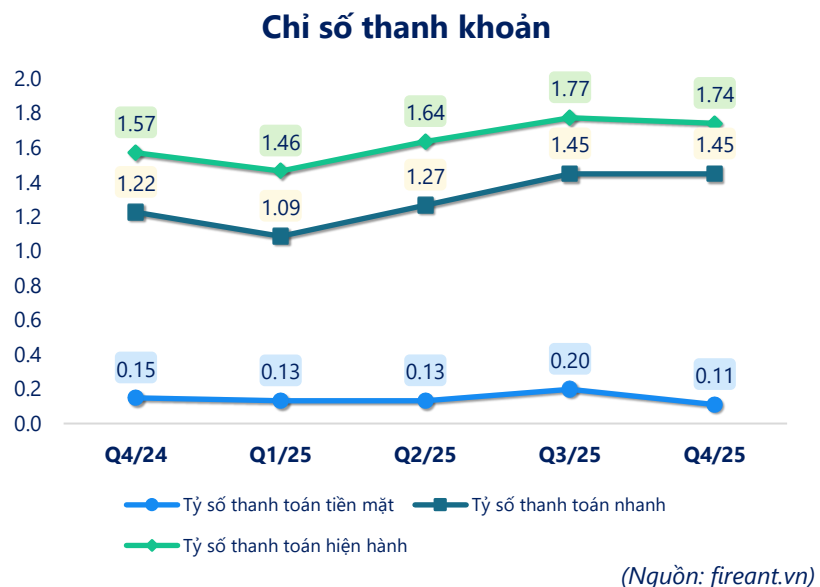
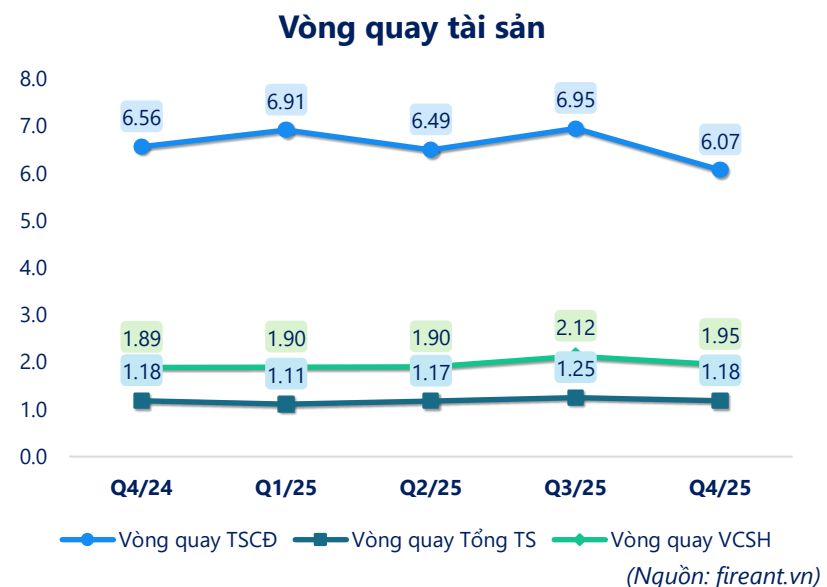
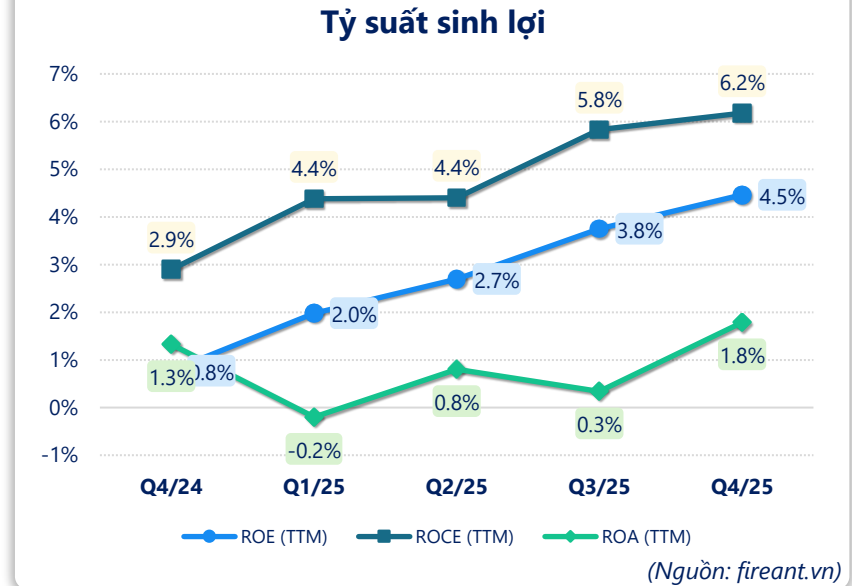
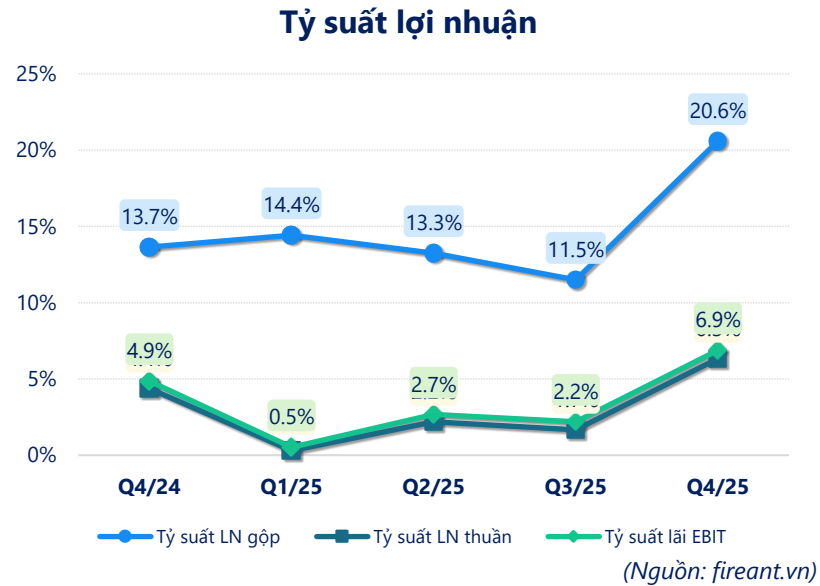
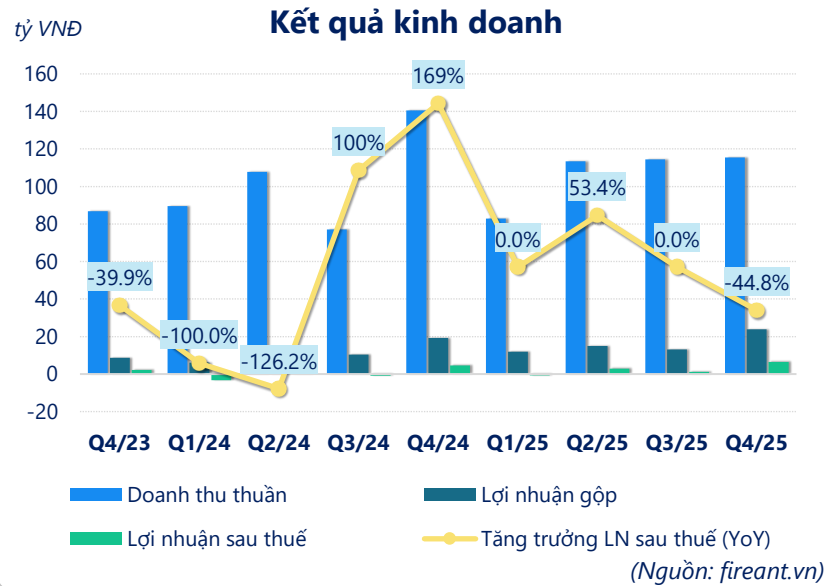


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,500
SL cổ phiếu LH		5,736,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)		355
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		75
P/E		7.6
EPS		1,702

	YTD	1T	3T	6T
ALT	10.7%	0.8%	-5.1%	13.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	355	358	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	213	227	-6.3%
Tiền và tương đương tiền	13.4	14.0	-4.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	74.0	58.3	27.0%
Phải thu ngắn hạn	88.1	99.5	-11.5%
Hàng tồn kho	35.9	52.8	-32.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.52	2.60	-41.7%
Tài sản dài hạn	142	131	8.5%
Phải thu dài hạn	1.69	0.43	294%
Tài sản cố định	75.7	65.2	16.0%
Bất động sản đầu tư	23.7	30.5	-22.1%
Tài sản dở dang	1.94	2.13	-9.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	27.1	22.9	18.7%
Tài sản dài hạn khác	11.8	9.76	20.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	135	143	-6.0%
Nợ ngắn hạn	122	140	-12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.2	31.7	48.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.3	60.4	-34.9%
Nợ dài hạn	12.3	3.38	265%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.99	0.33	2963%
Nguồn vốn chủ sở hữu	220	215	2.5%
Vốn chủ sở hữu	220	215	2.5%
Vốn điều lệ	61.7	61.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	140	82.9	113	114	115
Giá vốn hàng bán	121	70.9	98.3	101	91.7
Lợi nhuận gộp	19.2	12.0	15.0	13.2	23.8
Doanh thu HĐTC	-0.20	0.81	0.91	1.42	1.56
Chi phí TC	1.36	0.74	1.05	1.02	1.90
Chi phí lãi vay	0.74	0.52	0.60	0.85	0.84
LN trong công ty LKLD	0.96	0.47	0.18	0.78	1.44
Chi phí bán hàng	4.95	6.38	4.76	5.47	7.61
Chi phí QLDN	7.48	5.87	7.82	6.96	9.97
LN thuần từ HĐKD	6.14	0.25	2.49	1.91	7.31
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.33	-0.06	-0.25	-0.21
LN trước thuế	6.09	-0.09	2.43	1.67	7.11
Lợi nhuận sau thuế	4.65	-0.73	2.83	1.22	6.44
LNST của CĐ cty mẹ	4.65	-0.73	2.83	1.22	6.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.0	-7.14	8.06	9.87	3.66
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.5	0.15	-4.51	-5.68	-3.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.21	15.8	-9.96	2.00	-9.10
Tiền đầu kỳ	22.8	14.0	22.8	16.4	22.6
Lưu chuyển tiền thuần	-0.69	8.81	-6.41	6.20	-9.20
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.1	22.8	16.4	22.6	13.4

(Nguồn: fireant.vn)